

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

I. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

1. Tên dự án: Dịch vụ công, sự nghiệp công, sản phẩm dịch vụ công ích trên địa bàn phường Hạ Long năm 2026.

2. Tên gói thầu: Gói thầu số 04- Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và duy trì vệ sinh môi trường các tuyến đường chính trên địa bàn phường Hạ Long năm 2026.

3. Địa điểm thực hiện: Phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Nguồn vốn thực hiện: Nguồn chi thường xuyên ngân sách phường năm 2026.

5. Chủ đầu tư: Trung tâm cung ứng dịch vụ phường Hạ Long.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày.

7. Phạm vi công việc của gói thầu:

Duy trì, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và vệ sinh công cộng trên địa bàn phường Hạ Long, cụ thể như sau:

Nội dung thực hiện			DVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Thu gom thủ công đồng thời chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân tại đường phố đến điểm tập kết			Km	22,244				364	8.096,82	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	5,6				364	2038,4	
Đường Nguyễn Văn Cừ (Đường dưới)	Ngã 5 Kênh Liêm	Nút giao với đường Lê Thanh Nghị	Km	3,8				364	1383,2	
Đường Trần Quốc Nghiễn	Ngã 3 Đường 30/10 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn (Giáp danh phường Hồng Gai)	Cột điện chiếu sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	5,12				364	1863,7	
Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 trường Lê Thánh Tông	Núi Hạm	Km	0,93				364	338,5	
Đường Công ty Than Đông Bắc	Từ nút giao với đường Nguyễn Văn Cừ	ra đường Bao Biên	Km	0,454				364	165,3	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đường bao biển quảng trường 30/10	Từ ngã 3 nút giao (gần phố hải lộc đến ngã 3 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn +02 đường nhanh quảng trường)		Km	1,24				364	451,4	
Khu đô thị HDMon	Các tuyến đường chính khu đô thị HDMon		Km	2,63				364	957,3	
Khu đô thị HDMon (phần còn lại)	Khu đô thị mới hiện đại phía đông Hòn Cặp Bè: Lô A1-A14; Nối phố Hải Long, phố Hải Thịnh, phố Hải Phúc; Lô B		Km	1,8				364	655,2	
Tuyến đường phố Lê Thanh Nghị	Ngã 3 UBND tỉnh đến ngã 3 giao với đường bao biển Trần Quốc Nghiễn		Km	0,67				364	243,9	
Công tác quét đường phố bằng cơ giới (xe quét 5m3-7m3, thực hiện quét ban đêm)			Km	16,015	32,03			182	5.829,46	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng	Km	5,711	11,422			182	2.078,80	
Đường Nguyễn Văn Cừ (đường dưới)	Ngã 5 Kênh Liêm	Nút giao đường Lê Thanh Nghị	Km	3,8	7,6			182	1.383,20	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đường công ty than Đông Bắc	Từ nút giao với đường Nguyễn Văn Cừ	Ra đường bao biên	Km	0,454	0,908			182	165,26	
Đường Trần Quốc Nghiễn	Ngã 3 Đường 30/10 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn (Giáp danh phường Hồng Gai)	Cột điện chiếu sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	5,12	10,24			182	1.863,68	
Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 trường Lê Thánh Tông	Núi Hạm	Km	0,93	1,86			182	338,52	
Công tác quét, gom rác đường phố bằng thủ công, Quét hè			10.000m2	15.985,00			44.432,00	364	1.617,33	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng	10.000m2	5.711,00	11.422,00	2	22.844,00	364	831,5216	
Đường Nguyễn Văn Cừ (đường dưới)	Ngã 5 Kênh Liêm	Nút giao đường Lê Thanh Nghị	10.000m2	3.800,00	3.800,00	1	3.800,00	364	138,32	
Đường công ty than Đông Bắc	Từ nút giao với đường Nguyễn Văn Cừ	Ra đường bao biên	10.000m2	454	908	2	1.816,00	364	66,102	
Đường Trần Quốc Nghiễn	Ngã 3 Đường 30/10 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn (Giáp danh	Cửa hàng xăng dầu Vân Đồn số 1	10.000m2	4.350,00	4.350,00	2	8.700,00	364	316,68	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	phường Hồng Gai)									
Đường Trần Quốc Nghiễn	Cửa hàng xăng dầu Vân Đồn số 1	Cột điện chiều sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	10.000m2	740	1.480,00	2,4	3.552,00	364	129,293	
Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 trường Lê Thánh Tông	Núi Hạm	10.000m2	930	1.860,00	2	3.720,00	364	135,408	
Tua vỉa hè, thu dọn chất thải rắn ở gốc cây, chân cột điện, miệng cống hàm ếch			Km	16,015				182	2.914,73	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng	Km	5,711				182	1.039,40	
Đường Nguyễn Văn Cừ (đường dưới)	Ngã 5 Kênh Liêm	Nút giao đường Lê Thanh Nghị	Km	3,8				182	691,6	
Đường công ty than Đông Bắc	Từ nút giao với đường Nguyễn Văn Cừ	Ra đường bao biển	Km	0,454				182	82,628	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đường Trần Quốc Nghiễn	Ngã 3 Đường 30/10 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn (Giáp danh phường Hồng Gai)	Cột điện chiếu sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	5,12				182	931,84	
Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 trường Lê Thánh Tông	Núi Hạm	Km	0,93				182	169,26	
Thu gom thủ công đồng thời chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân trong ngõ, ngách, hẻm đến điểm tập kết			Km	66,966				364	24.375,77	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Phường Hồng Hà (cũ)										
	Đường khu sở điện 5 (Sân bóng - Báo QN)		Km	0,54				364	196,56	
	Số nhà 47 lê chân đến số nhà 135 phố lê chân {tên cũ: Từ công ty Hùng Hưng đến nhà hàng Phong thái(nhà bà hương thông)}		Km	0,247				364	89,908	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Ngã 3 giao với đường sông 3 đến Công ty Sông Đà đến ngã 3 giao với đường bao biển dài	Km	0,533				364	194,012	
	Số nhà 88 phố trần cao vân đến số nhà 03 phố trần cao vân (tên cũ: Ngã 3 giao với đường sông 3 đến cạnh số nhà 70)	Km	0,242				364	88,088	
	số nhà 32 đến xưởng ô tô vân đồn (tên cũ: Từ nhà hàng karaoke Anh Quân đến xưởng sửa chữa ô tô Vân Đồn)	Km	0,221				364	80,444	
	Từ nút giao đường 18 giao xuống đường Núi Hạm đến trạm cân 1 nhà sàng úc	Km	1,422				364	517,608	
	Từ công trào khu 5 trạm y tế phường	nhà văn hóa trung tâm tổ 6 khu 5	Km	0,079			364	28,756	
	Từ đầu cửa hàng ga quảng phong	điểm cuối tổ 7 khu 2	Km	0,07			364	25,48	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đầu ngõ 48	nhà ông Giang và ngách bà Huệ	Km	0,199				364	72,436	
	Đầu ngõ 50	Nhà ông Tín	Km	0,088				364	32,032	
	Khu tái định cư sau chợ Hồng Hà		Km	0,294				364	107,016	
	Nhà ông Ban tổ 3+4 khu 9	Nhà ông Duận tổ 3+4 khu 9	Km	0,119				364	43,316	
	Đầu phân hiệu 2 trường mầm non hoa hồng	Nhà ông Đặng Sơn tổ 12 khu 9	Km	0,118				364	42,952	
	Tuyến đường thuộc tổ 1 khu 1 (đội T5) gồm 03 ngách: ngách 1 dài 179 m, ngách 2 dài 159 m, ngách 3 dài 140 m.		Km	0,478				364	173,992	
	Tuyến đường thuộc tổ 5A,5B khu 1 gồm 5 ngách: ngách 1 dài 51m, ngách 2 dài 90 m, ngách 3 dài 53m, ngách 4 dài 38m, ngách 5 dài 60m.		Km	0,292				364	106,288	
	Tuyến đường từ nhà ông Bình đến hội trường B công ty điện lực dài 56 m		Km	0,056				364	20,384	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến đường tổ 8 khu 2 từ Nhà ông cử đến Karaoke Anh Quân	Km	0,18				364	65,52	
	Tuyến đường tổ 12 khu 2 từ đường giao với đường 18A đến điểm cuối nhà Anh Quân dài 210 m.	Km	0,21				364	76,44	
	Tuyến đường trước truyền hình cáo Anpha(khu tái định cư) dài 181 m.	Km	0,181				364	65,884	
	Tuyến đường thuộc tổ 4,5,6 khu 4 phố ký con(04 ngách phố kí con): Ngách 1 thuộc tổ 4 dài 68m, ngách 2 dài 77m, ngách 3 dài 40 m;Ngách 4 thuộc tổ 3 khu 4 dài 58 m.	Km	0,243				364	88,452	
	Tuyến đường thuộc tổ 3,4 khu 9 gồm 03 ngách: ngách 1 dài 195 m, ngách 2 dài 55 m, ngách 3 dài 100 m.	Km	0,35				364	127,4	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến đường thuộc tổ 5 khu 9 gồm 03 ngách: ngách 1 dài 100m, ngách 2 dài 68m, ngách 3 dài 68 m.	Km	0,236				364	85,904	
	Tuyến đường thuộc tổ 8,9 khu 9 từ nhà Nhị đến nhà ông Thả dài 146m.	Km	0,146				364	53,144	
	Tuyến đường thuộc tổ 11 khu 9 từ nhà bà Quy đến nhà ông Kiều dài 74 m.	Km	0,074				364	26,936	
	Tuyến đường thuộc tổ 16 khu 9 dài 50 m.	Km	0,05				364	18,2	
	Tuyến đường thuộc tổ 10 khu 9 (từ đường 18 A đến nhà ông Bản) dài 50m	Km	0,05				364	18,2	
	Tuyến đường tổ 14 khu 9 từ cổng trường tiểu học trần quốc toàn đến nhà ông kiều An dài 75m	Km	0,075				364	27,3	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến đường thuộc 5 khu 7 (từ đường 18A đến nhà ông Giang) dài 86 m.	Km	0,086				364	31,304	
	Tuyến đường tổ 4 khu 7 (từ nhà ông Xứng đến nhà bà Nguyệt) dài 125m.	Km	0,125				364	45,5	
	Tuyến đường tổ 7 khu 5 (từ nhà ông Vĩnh đến nhà ông Trù) dài 87 m.	Km	0,087				364	31,668	
	Tuyến đường tổ 1 khu 7 (từ nhà bà Phương đến nhà bà Cải) dài 160m.	Km	0,16				364	58,24	
	Phố Nguyễn Thượng Hiền(đoạn tiếp giáp phường Hồng Hải)	Km	0,161				364	58,604	
	Nhà máy nước thải Licogi1 đến công ty CP vật tư TKV {tên cũ:Phố Lê Chân (đoạn tiếp giáp phường Hồng Hải)}	Km	0,18				364	65,52	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đoạn tuyến đường nhánh từ gần nhà số 75 đến nút giao với đường trần quốc Nghiễn	Km	0,205				364	74,62	
	Từ nhà số 65 đến nhà số 9	Km	0,126				364	45,864	
	Từ nhà số 24 đến nhà số 2	Km	0,084				364	30,576	
	Từ nhà số 25 đến nhà số 1	Km	0,081				364	29,484	
	Đầu phố ký con đến nhà ông Quảng	Km	0,216				364	78,624	
	Từ nhà nghỉ Sao đến cơ khí Hòn Gai	Km	0,908				364	330,512	-
	Từ công trào tổ 3+4 khu 6 đến nhà số 43	Km	0,095				364	34,58	-
	Từ phòng khám Đông Đô đến nút giao với đường tuyến than	Km	0,337				364	122,668	-
	Từ công trào khu 9 đến nút giao với đường tuyến than	Km	0,273				364	99,372	-
	Từ đầu ngõ 94 đến nút giao với đường tuyến than	Km	0,225				364	81,9	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Từ Cầu trắng đến Trạm cân 1 nhà sàng úc	Km	0,16				364	58,24	-
	Từ nút giao đường 18 cạnh nhà báo đến đầu đường rẽ lên nhà khách Tỉnh ủy (cạnh xưởng sửa chữa ô tô duyên hải)	Km	0,624				364	227,136	-
	Từ nhà số 167 đến nhà Ông Lận	Km	0,355				364	129,22	-
	Từ cổng sau tòa nhà Liên Cơ đến đằng sau nhà khách ủy Ban tỉnh	Km	0,203				364	73,892	-
	Từ đầu đường vào sở tài chính đến số nhà 217 đường Nguyễn Văn Cừ +5 gác phía sau nhà 215 (100m/ngách)	Km	0,896				364	326,144	-
	Từ cổng trào khu 3 đến số nhà 34	Km	0,196				364	71,344	-
	Từ ngõ 59 đến số nhà 23	Km	0,186				364	67,704	-
	Từ đầu đường vào trại trẻ mồ côi đến số nhà 60	Km	0,224				364	81,536	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Từ công trào khu 7 đến giáp danh giới phường Hà Trung	Km	0,328				364	119,392	-
	Từ số nhà 17 tổ 4 đến số nhà 54 tổ 7	Km	0,1				364	36,4	-
	Từ đầu ngõ 57 đến số nhà 68B tổ 2	Km	0,35				364	127,4	-
	Từ ngã ba đường lên đồi T5 đến nhà ông Phước tổ 1 khu 1	Km	0,388				364	141,232	-
	Từ nhà ông Thật đến khu điều dưỡng tổ 6 khu 1 + đoạn từ miếu thờ tổ 5 khu 1	Km	0,36				364	131,04	-
	Từ nhà bà Nga tổ 3 khu 3 đến nhà ông Minh tổ 9 khu 1+ đoạn đến nhà ông Thọ tổ 10 khu 1	Km	0,499				364	181,636	-
	Từ nhà ông Thiêm tổ 6 khu 6 đến đầu cụt đường tàu tổ 6 khu 6	Km	0,144				364	52,416	-
	Từ trại gà cũ đến nhà ông Vùng tổ 8 khu 6	Km	0,217				364	78,988	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đầu công trào khu 9 đến đầu đường trường mầm non Hoa Hồng phân hiệu 2 tổ 9, tổ 10 khu 9	Km	0,205				364	74,62	-
	Đầu đường nhà ông Tuyền tổ 12 khu 9 đến bờ tường trường tiểu học Trần Quốc Toản	Km	0,12				364	43,68	-
	Từ tổ điện phường Hồng Hà tổ 4 khu 1 đến nhà ông Oánh	Km	0,25				364	91	-
	Đoạn tuyến đường tổ 8 khu 2 từ nhà ông Khải đến nhà ông Huệ	Km	0,14				364	50,96	-
	Đoạn tuyến từ siêu thị điện máy HC đến nhà Ông Tuấn thuộc tổ 5 khu 8	Km	0,187				364	68,068	-
	Đoạn tuyến từ nhà ông Đồi đến điểm cuối nhà Văn Hóa khu 8 thuộc tổ 5 khu 8	Km	0,1				364	36,4	-

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Từ đầu ngã ba giao giao với đường lê thanh nghị	Nhà ông Thảo thuộc tổ 12 khu 4	Km	0,073				364	26,572	-
	Tuyến đường thuộc tổ 3,4 khu 6 từ nhà ông công (02 gác)	Nhà và nga	Km	0,131				364	47,684	-
	Từ nhà bà Làn (tuyến đường tuyến than)	Nhà bà Thu thuộc tổ 8 khu 6	Km	0,19				364	69,16	-
	Tuyến đường tổ 6 khu 2		Km	0,245				364	89,18	-
	Tuyến đường nhánh tổ 7,13 khu 2		Km	0,2				364	72,8	-
	Tuyến đường nhánh tổ 12 khu 2		Km	0,157				364	57,148	-
	Tuyến đường tổ 2 khu 2		Km	0,127				364	46,228	-
	Tuyến đường tổ 1 khu 2(cạnh nhà hàng bằng lăng) 2 nhánh		Km	0,284				364	103,376	-
	Tuyến đường tổ 9 khu 4 (vào xưởng ô tô vận đôn)		Km	0,09				364	32,76	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến đường tổ 13 khu 4 giáp với chung cư 6 tầng	Km	0,16				364	58,24	-
	Tuyến đường tổ 11,12 khu 4	Km	0,111				364	40,404	-
	Tuyến đường tổ 10 khu 4 (gồm 02 nhánh)	Km	0,205				364	74,62	-
	Khu 1	Km							-
	Tuyến tổ 8B khu 1: Từ nhà ông Đông đến nhà bà Hiền và nhánh tuyến ngõ	Km	0,132				364	48,048	-
	Tuyến tổ 9B khu 1: Từ nhà bà Hiền (số nhà 15b) đến nhà ông Nhơn (đường dốc)	Km	0,119				364	43,316	-
	Tuyến tổ 3A khu 1: Nhánh 1 từ nhà ông Mạnh (cạnh số nhà 7) đến nhà ông Tuyền và nhánh tuyến ngõ	Km	0,147				364	53,508	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến tổ 3B khu 1(ngõ sở điện) : Nhánh 1 từ nhà ông Thành đến nhà ông Cẩm	Km	0,086				364	31,304	-
	Tuyến tổ 3B khu 1: Nhánh 2 từ nhà ông Thành đến nhà ông Tấn	Km	0,059				364	21,476	-
	Khu 2	Km							-
	Tuyến tổ 2 khu 2: ba ngõ từ đường gom đầu đường Nguyễn Văn Cừ dưới đến khu đô thị (ngõ nhỏ từ gần số nhà 20A)	Km	0,21				364	76,44	-
	Tuyến tổ 5 khu 2: một ngõ từ đường gom đến khu đô thị (ngõ 32 đường nhỏ)	Km	0,07				364	25,48	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến tổ 11 khu 2 (gần nhà số 146): ngõ 1 từ đầu đường gom đến nhà ông Vũ Văn Hồng + ngõ 2: từ đầu đường gom (nhà bà Hằng răng hàm mất) đến nhà ông Nguyễn Quý Mùi (ngõ nhỏ)	Km	0,316				364	115,024	-
	Khu 3	Km							-
	Tuyến từ nhà bà Thu số nhà 01 (ngõ 3 nhà báo QN) đến nhà ông Diệp tổ 10 khu 1(đường dốc)	Km	0,31				364	112,84	-
	Tuyến đường nhánh từ nhà văn hóa khu 3 đến nhà bà Phạm Thị Nguyên + nhánh từ nhà ông Khiên đến nhà ông Trợ tổ 3 khu 3 + nhánh từ nhà ông Hanh đến trường mầm non 1-6 (đường dốc)	Km	0,569				364	207,116	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến ngõ 27: Từ nhà trạm bơm tăng áp đến nhà ông Lê Sỹ Tuyên tổ 5 khu 3 + tuyến nhánh từ nhà bà Tin đến nhà ông Minh (đường dốc)	Km	0,496				364	180,544	-
	Khu 5	Km							-
	Tuyến ngõ 43: Từ nhà bà Xuyên đến nhà ông Thịnh tổ 1 khu 5 (đường dốc)	Km	0,124				364	45,136	-
	Tuyến ngõ 45: Từ trường tiểu học Trần Quốc Toàn đến nhà bà Lê Thị Thà và 03 nhánh khu tập thể (đường dốc)	Km	0,182				364	66,248	-
	Tuyến đường 18A (nhà ông Việt) lên tổ 3,4 khu 5 khu tập thể gồm 03 tuyến nhánh (đường dốc- khu viện kiểm soát cũ)	Km	0,434				364	157,976	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến đường 18A ngõ 49 (quán nhà ông Nông Văn Quế) đến tổ 3,4 khu 5 khu tập thể gồm 03 tuyến nhánh (đường dốc)	Km	0,13				364	47,32	-
	Tuyến đường 18A ngõ 51 (quán nhà ông Nguyễn Văn Tiến) đến nhà ông Nguyễn Tiến lợi tổ 5 khu 5 (đường dốc)	Km	0,066				364	24,024	-
	Tuyến đường 18A từ số nhà 415A (quán nhà ông Nguyễn Duy Đài) đến nhà ông Nguyễn Anh Tuấn (đường dốc)	Km	0,227				364	82,628	-
	Tuyến từ nhà ông Trần Đình Hoàn đến nhà bà Nguyễn Thị Bảy và nhà ông chính và nhánh ngõ nhà ông Tùng tổ 7 khu 5(đường dốc)	Km	0,223				364	81,172	-
	Khu 7	Km							-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến tổ 6 khu 7 ba gác (đường dốc)	Km	0,202				364	73,528	-
	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Văn Thiệu đến nhà bà Phạm Thị Ngoan tổ 7 khu 7(đường dốc)	Km	0,275				364	100,1	-
	Khu 8	Km							-
	Tuyến ngõ 66 từ nhà ông Nguyễn Văn Kha tổ 2 khu 8 đến nhà ông Vũ Đình Tâm (ngõ nhỏ, đường dốc)	Km	0,09				364	32,76	-
	Từ đường 18A ngõ 68 và ngõ 70 (nhà ông Lân) đến nhà ông Trần Văn Quý tổ 3 khu 8 (ngõ nhỏ, đường dốc)	Km	0,226				364	82,264	-
	Từ đường 18A ngõ 72 (nhà ông Điều) đến nhà bà Bùi Thị Thanh (ngõ nhỏ, đường dốc)	Km	0,113				364	41,132	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Từ đường 18A ngõ 74 (nhà bà Nhỏ) đến nhà bà Phạm Thị Kim (ngõ nhỏ, đường dốc)	Km	0,111				364	40,404	-
	Từ đường 18A ngõ 76 (nhà ông Thắng số nhà 458) đến nhà ông Đoàn (ngõ nhỏ, đường dốc)	Km	0,054				364	19,656	-
	Khu 1	Km							-
	Từ đường 18A cũ đến nhà ông tuần + nhánh đến nhà ông Hoàng Quang Văn	Km	0,1				364	36,4	-
	Khu 3	Km							-
	Từ nhà ông Thái đến nhà ông Đình	Km	0,09				364	32,76	-
	Từ nhà ông Lương Thị Tơ đến nhà ông Thiện	Km	0,051				364	18,564	-
	Từ nhà bà Nguyễn Thị Thược đến nhà ông Lành	Km	0,104				364	37,856	-
	Từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Cơ + nhánh 2 đến nhà ông Thanh	Km	0,116				364	42,224	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Từ nhà ông Hội đến nhà ông Bình(phía trên cùng)	Km	0,0964				364	35,0896	-
	Từ nhà ông Long đến nhà ông Tuấn Vinh	Km	0,047				364	17,108	-
	Từ nhà ông Vũ Kim Anh đến nhà bà Nhài + nhánh đến nhà bà Ân + nhánh đến nhà ông Mạnh	Km	0,2				364	72,8	-
	Khu 8	Km							-
	Từ nhà ông Trương Mạnh Thắng đến nhà văn hóa khu 8 (ngõ 80)	Km	0,302				364	109,928	-
	Từ nhà bà Hiên đến nhà bà Phạm Thị Luyên (ngõ 82)	Km	0,12				364	43,68	-
	Ngõ 78 : Nhà bà Hợi đến nhà ông Hoàn (dốc)	Km	0,11				364	40,04	-
	Từ số nhà 15 (ông Chư) đến ngõ + nhánh ngang	Km	0,06				364	21,84	-

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đầu lỏi rẽ xuống đường sông 3 đến ngã 3 giao với đường bao biển	Km	0,358				364	130,312	
	Ngã 3 giao với đường sông 3 đến nhà hàng nhất trung Tổ 7 khu 4	Km	0,821				364	298,844	
	Từ nhà Vi na Như Anh đến nhà hàng lẩu mèo Thùy Dương	Km	0,244				364	88,816	
	Cổng hải đội 2 Biên Phòng đến ngã 3 giao với đường bao biển (cảng tàu)	Km	0,195				364	70,98	
	số nhà 102 công ty Nam Khánh đến số nhà 26 đường thanh tra tỉnh(tên cũ: Đầu đường phía sau trường Lê Thánh Tông đến ngã 3 giao với đường xuống trụ sở thanh tra tỉnh)	Km	0,345				364	125,58	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Số nhà 103 Sam bà ty đến số nhà 20 đường lê thanh nghị (tên cũ:Công ty cổ phần đầu tư xây dựng kiên trúc đến ngã 3 giao với đường xuống trụ sở thanh tra tỉnh)	Km	0,308				364	112,112	
	Từ nhà văn hóa khu 4 đến gần công trường Lê Thánh Tông	Km	0,2				364	72,8	
	Từ ngã 3 giao với đường sông 3 đến ngã 3 giao với đường xuống trụ sở thanh tra tỉnh(khu2+khu 4+khu 6)	Km	1,23				364	447,72	
	Khách sạn Sao Mai đến xưởng ô tô hà thuyền 2 phố Tô Vĩnh Diện (tên cũ :Từ đầu vườn hoa cạnh Tháp đôi view tower đến xưởng sửa chữa ô tô hà thuyền 2)	Km	0,667				364	242,788	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Anh duy Finess gym đến số nhà 35A-Trung tâm công tác xã hội Quảng Ninh {tên cũ:Từ nhà mẫu halong view tower đến giao với đường đôi (gần trường quốc tế mầm non)}		Km	0,346				364	125,944	
Đường Bành Văn Trân, ngõ 124, ngõ 128 phố Núi Hạm và các tuyến ngõ xóm thuộc tổ 8 khu 6		Km	0,966				364	351,624	
Đầu ngõ 2 và ngõ 3 giao với đường thanh tra tỉnh	Đến cuối đường	Km	0,224				364	81,536	
đường nhánh đôi diện rửa xe ô tô tiền minh	Nhà ông Bạch	Km	0,092				364	33,488	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Chung cư Licogi 18 (03 đoạn song song từ vườn hoa cạnh tháp đôi View tower : từ licogi 18.1 phố Nguyễn Văn Trỗi đến nút giao đường nhánh lô thứ 2 dài 370 m; từ nút ô tô nội thất tiến minh đến số nhà 75 dài 165m; từ nút giao đường thanh tra tỉnh " phố lương thượng hiền đến nút giao	Km	0,701				364	255,164	
	Tuyến đường tổ 11 khu 6 khu đô thị cột 5 cột 8 mở rộng: 03 tuyến song song dài 799m (từ ô B1 lô B14 đến ô B21 lô 14; từ ô A1 lô A10 đến ô 34 lô A10, từ ô A1 lô A12 đến ô 34 lô A9).	Km	0,799				364	290,836	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Bổ sung thêm khối lượng còn thiếu đoạn tuyến từ tiếp giáp danh giới phường Hồng Hải đến giao đường đường sông 3 (sơ đồ 2017-thêm vào tuyến số XVII- Phố huỳnh thúc kháng)	Km	0,196				364	71,344	
	Bổ sung thêm khối lượng còn thiếu đoạn tuyến phố Nguyễn Thái Bình(nối tiếp tuyến số XIX -sơ đồ 2017)	Km	0,128				364	46,592	
	Bổ sung thêm khối lượng còn thiếu đoạn tuyến phố Huỳnh Thúc Kháng (nhà hàng nhất trung đến trường lê thánh tông)	Km	0,162				364	58,968	
	Đoạn tuyến đường nhánh ngang từ đầu trụ sở thanh tra tỉnh đến giao với đường trần quốc nghiễn	Km	0,264				364	96,096	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	số 89 ngõ 1 phố Hải Thịnh	số 1 ngõ 1 phố Hải Phúc	Km	0,45				364	163,8	
	số 97 ngõ 2 phố Hải Thịnh	số 1 ngõ 2 phố Hải Phúc	Km	0,45				364	163,8	
	số 121 ngõ 1 phố Hải Phúc	số 5 ngõ 1 phố Hải Phong	Km	0,221				364	80,444	
	số 95 ngõ 2 phố Hải Phúc	số 1 ngõ 2 phố Hải Phong	Km	0,2				364	72,8	
	Ban văn hóa	số 6 tổ 5 khu 4C	Km	0,1				364	36,4	
	số 1 tổ 4 khu 4C	số 59 tổ 4 khu 4C	Km	0,15				364	54,6	
	số 18 khu 4C	Quán cơm quê	Km	0,15				364	54,6	
	xí nghiệp nước (SN 176)	số 35 phố Hải Phong	Km	0,2				364	72,8	
	Đầu phố Hải Phúc	Cổng trường trung học cơ sở Hồng Hải	Km	0,15				364	54,6	
	số 51 ngõ 5 phố Hải Long	số 2 ngõ 5 phố Hải Long	Km	0,18				364	65,52	
	số 1 ngõ 4 phố Hải Long	số 47 ngõ 4 phố Hải Long	Km	0,2				364	72,8	
	số 1 ngõ 3 phố Hải Long	số 3 ngõ 3 phố Hải Long	Km	0,2				364	72,8	
	số 1 ngõ 2 phố Hải Long	số 53 ngõ 2 phố Hải Long	Km	0,2				364	72,8	
	số 1 ngõ 1 phố Hải Long	số 43 ngõ 1 phố Hải Long	Km	0,15				364	54,6	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Phố Hoàng Diệu	Hồ Cô Tiên 2	Km	0,3			364	109,2	
	số 30 ngõ 3 phố Hoàng Diệu	số 6 phố Chu Văn An	Km	0,1			364	36,4	
	số 59 ngõ 5 phố Hoàng Diệu	số 2 ngõ 11 phố Chu Văn An	Km	0,1			364	36,4	
	số 1 ngõ 1 phố Hải Thịnh	số 67 ngõ 1 phố Hải Lộc	Km	0,2			364	72,8	
	số 1 ngõ 2 phố Hải Thịnh	số 67 ngõ 2 phố Hải Lộc	Km	0,2			364	72,8	
	số 1 ngõ 1 phố Hải Lộc	số 53 ngõ 1 phố Hải Lộc	Km	0,2			364	72,8	
	số 1 ngõ 2 phố Hải Lộc	số 25 ngõ 2 phố Hải Lộc	Km	0,2			364	72,8	
	số 1 phố Hải Trường	số 45 phố Hải Trường	Km	0,1			364	36,4	
	Phố Hải Trung	số 7A phố Hải Trung	Km	0,1			364	36,4	
	Ngõ 1 phố Hải Trường		Km	0,15			364	54,6	
	Ngõ 2 phố Hải Thắng		Km	0,05			364	18,2	
	Ngõ 1 phố Hải Thắng		Km	0,15			364	54,6	
	Ngõ 3 phố Hải Thắng		Km	0,2			364	72,8	
	Đầu Phố Hải Nam		Km	0,3			364	109,2	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đầu phố Hải Hà	Đường bao biên	Km	0,4				364	145,6	
	Toàn dân cư đô thị mới Cột 5 mới (khu cây xăng)		Km	0,3				364	109,2	
	ngã 3 đỉnh dốc ngân hàng số (nhà 15)	nhà Bà Vũ Thị Hường tổ 2b	Km	0,05				364	18,2	
	ngã 3 đỉnh dốc ngân hàng số (nhà 15)	nhà ông Trần Quốc thắng	Km	0,07				364	25,48	
	ngã 3 đỉnh dốc ngân hàng số (nhà 15)	nhà ông Đỗ Văn Hiếu	Km	0,15				364	54,6	
	Phố Bùi Thị Xuân		Km	0,4				364	145,6	
	Tuyến đường sau Siêu Thị Big C : từ đầu ngã 3 nút giao phố Hải Hà đến giáp danh phường Hồng Hà		Km	0,5				364	182	
	Tuyến ngách ngõ 24 đoạn từ nhà Nhà ông Huy tổ 4 khu 10 ra đến ngân hàng Maritime bank		Km	0,1				364	36,4	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Tuyến từ đầu ngõ 10 đến nhà số 26 (nhà ông Nam) thuộc tổ 10 khu 3 dài 400. (Tuyến này có dốc cao).	Km	0,4				364	145,6	
	Các tuyến thuộc tổ 5B phố 10 đối T5 (khu tái định cư)	Km							
	Tuyến đường gồm 3 ngách ngang song song (phía đối diện nhà ông Tiên - ngách 1 dài 178 m; ngách 2 dài 143m; ngách 3 dài 105 m)	Km	0,426				364	155,064	
	Đầu ngõ 55 võ thị sáu đến số nhà 46 (tên cũ: Tuyến từ nhà ông Tiên đến nhà ông Đạt)	Km	0,146				364	53,144	
	Số nhà 55 ngõ 25 đến số nhà 29 (tên cũ: Tuyến từ nhà ông Lê Văn Huy đến cuối đường)	Km	0,07				364	25,48	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Số nhà 39 đến số nhà 73 {tên cũ: Tuyến từ nhà ông Phong đến nhà bà Phạm Thị Hà (tổ phó tổ dân phố)}	Km	0,195				364	70,98	
	Các tuyến thuộc khu trung tâm phường	Km							
	khu đô thị liền kề vinacomin tuyến đường mới (gồm 1 tuyến đường chính dài 192 m và tuyến đường nhánh dài 63 m)	Km	0,255				364	92,82	
	Đường vào ngõ 1 đường Nguyễn Văn Cừ	Đôi Ngân Hàng	Km	0,3			364	109,2	
	Đường vào ngõ 2 đường Nguyễn Văn Cừ	lên đôi	Km	0,3			364	109,2	
	Đường vào ngõ 3 đường Nguyễn Văn Cừ	lên đôi	Km	0,3			364	109,2	
	Đường vào ngõ 4 đường Nguyễn Văn Cừ	Tập thể trường chuyên HL	Km	0,3			364	109,2	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đường vào ngõ 5 đường Nguyễn Văn Cừ	khu dân cư	Km	0,25				364	91	
	Đường vào ngõ 6 đường Nguyễn Văn Cừ	tập thể giáo viên	Km	0,1				364	36,4	
	Đường vào ngõ 8 đường Nguyễn Văn Cừ		Km	0,15				364	54,6	
	Đường vào ngõ 9 đường Nguyễn Văn Cừ		Km	0,2				364	72,8	
	Đường vào ngõ 11 đường Nguyễn Văn Cừ	hết khu dân cư	Km	0,5				364	182	
	Đường vào ngõ 12 đường Nguyễn Văn Cừ	hết khu dân cư	Km	0,4				364	145,6	
	Đường vào ngõ 13 đường Nguyễn Văn Cừ		Km	0,3				364	109,2	
	Đường vào ngõ 14 Khu đôi Văn Nghệ		Km	0,8				364	291,2	
	Đường vào ngõ 15 đường Nguyễn Văn Cừ		Km	0,15				364	54,6	
	Đường vào ngõ 16 Đài truyền hình Tỉnh		Km	0,1				364	36,4	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Đường vào ngõ 17 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,8				364	291,2	
	Đường vào ngõ 18 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,08				364	29,12	
	Đường vào ngõ 19 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,5				364	182	
	Đường vào ngõ 20 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,1				364	36,4	
	Đường vào ngõ 21 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,5				364	182	
	Đường vào ngõ 22 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,18				364	65,52	
	Đường vào ngõ 23 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	0,08				364	29,12	
	Đường vào ngõ 24 đường Nguyễn Văn Cừ	Km	1,2				364	436,8	
	Đường vào ngõ 25 trạm bơm	Km	0,35				364	127,4	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Từ nút giao đầu phố Hải Đông (Big C) đến ngã 3 giao với đường Trần quốc nghiễn		Km	0,356				364	129,584	
Đoạn tuyến tổ 2 khu 7A: Từ ngã 3 đường lên sân gold FLC	đến cuối ngõ	Km	0,25				364	91	
Tuyến đường ngang trường Trọng Diễm		Km	0,11				364	40,04	
Tuyến từ hiệu vàng Lê Cương đi vào 50m		Km	0,09				364	32,76	
Các tuyến ngang phố Hải Long bao gồm ngõ 2, 3, 4 thuộc khu phố 4A, 4B		Km	0,7				364	254,8	
Khu dân cư đôi ngân hàng (khu vực dân cư)		Km	0,5				364	182	
Từ đường Nguyễn Văn Cừ (khu dân cư đôi ngân hàng)	giáp danh cao thẳng	Km	0,2				364	72,8	
Khu dân cư cột 5: từ lô E6 đến Lô B17		Km	0,1				364	36,4	
Khu 6C: Từ trường mầm non đến Ô số 02		Km	0,3				364	109,2	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
	Khu dân cư đôi ngân hàng gồm các lô: LK7-LK8	Km	0,13				364	47,32	
	Ngõ Bùi Thị Xuân: Thửa 104 tờ 10- thửa 9 tờ 10	Km	0,35				364	127,4	
	Đôi Văn Nghệ: Lô L7-L11	Km	0,7				364	254,8	
	Ngõ 19 đường Nguyễn Văn Cừ: Thửa 260 tờ 32- Thửa 4 tờ 29	Km	0,35				364	127,4	
	- Đoạn từ số nhà 52 đến nhà ông Đoàn Bá Chiều	Km	0,18				364	65,52	
	- Đoạn từ nhà ông Đỗ Quang Tuấn đến nhà bà Nguyễn Thị Tuyết	Km	0,08				364	29,12	
	Bổ sung tiếp đoạn tuyến Ngõ 20 đường Nguyễn Văn Cừ: Từ nhà ông Việt đến nhà ông Hùng+Hàng	Km	0,22				364	80,08	
	Bổ sung tiếp tuyến Ngõ 12 khu tái định cư khu 5	Km	0,18				364	65,52	
	Đoạn tuyến: Ngõ 7 đường Nguyễn Văn Cừ đến cuối ngõ và các nhánh (03 nhánh)	Km	0,1				364	36,4	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đoạn tuyến đường: Từ ô số 38 đến ô số 53 (dự án nhóm ở tại phường Hồng Hải (MKL))			Km	0,1				364	36,4	
ĐCNX	Tuyến đường xung quanh khu vực trường chuyên mới		Km	1,4				364	509,6	
ĐCNX	Đầu phố Hải Long	Số 57 phố Hải Long	Km	0,25				364	91	
ĐCNX	Đầu phố Chu Văn An	Số 22 phố Chu Văn An	Km	0,25				364	91	
ĐCNX	Số 22 phố Chu Văn An	Hồ Cô Tiên 2	Km	0,2				364	72,8	
ĐCNX	Số 1 ngõ 4 phố Hải Lộc	Số 45 ngõ 4 phố Hải Lộc	Km	0,2				364	72,8	
ĐCNX	Số 1 ngõ 5 phố Hải Lộc	Bay view Building	Km	0,2				364	72,8	
ĐCNX	Ngõ 6 phố Hải Lộc		Km	0,2				364	72,8	
ĐCNX	Đầu phố Hải Lộc	Đường bao biển	Km	0,5				364	182	
ĐCNX	Ngõ 1 phố Hải Hà		Km	0,5				364	182	
ĐCNX	Ngõ 2 phố Hải Hà		Km	0,5				364	182	
ĐCNX	Ngõ 5 Kênh Liêm {tên cũ: Từ VP công ty điện lực}	công chào khu 2B	Km	0,2				364	72,8	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
ĐCNX	Đầu phố Hải Thịnh mé bên khu 6B (lối vào dân tộc nội trú)	đến số nhà 01(Tên cũ:Nhà ông Châu)	Km	0,405				364	147,42	
ĐCNX	ngõ 3 khu 6B đoạn nhà ông Điều		Km	0,23				364	83,72	
ĐCNX	Ngõ 4 khu 6B phố Hải Thịnh		Km	0,23				364	83,72	
ĐCNX	Ngõ 5 khu 6B phố Hải Thịnh		Km	0,23				364	83,72	
ĐCNX	Ngõ 6 khu 6B phố Hải Thịnh		Km	0,23				364	83,72	
ĐCNX	Từ cổng chào khu 2B	Hồ Cô Tiên Place	Km	0,3				364	109,2	
ĐCNX	Từ đầu phố hải phượng (tên cũ:tuyên nhà ông Thanh khu 8)	đến số nhà 336 đường trần quốc nghiễn (tên cũ: nhà hàng Diệp Anh)	Km	0,15				364	54,6	
ĐCNX	Tuyến từ ngã 3 nút giao phố Hải Long đến khu vực gần trường Cao Đẳng Y tế.		Km	0,64				364	232,96	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
ĐCNX	Tuyến từ ngã 3 nút giao phố Hải Long đến trụ sở mới của UBND phường Hồng Hải	Km	0,58				364	211,12	
ĐCNX	Tuyến từ nhà bà Thủy (P.CT tỉnh) đến trụ sở mới của UBND phường Hồng Hải	Km	0,343				364	124,852	
ĐCNX	số nhà 120 phố Hải Thanh đến trường quốc tế Anh Quốc {tên cũ:Số nhà 120 đến nhà bà Thủy (PCT tỉnh)}.	Km	0,162				364	58,968	
ĐCNX	Đoạn tuyến nối tiếp từ ngõ 2 phố Hải Phúc đến giáp đường dự án Mon Bay	Km	0,33				364	120,12	
ĐCNX	Đoạn tuyến nối tiếp từ ngõ 2 phố Hải thịnh đến giáp đường dự án Mon Bay	Km	0,251				364	91,364	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
ĐCNX	Đoạn tuyến từ nút giao phố hải thủy với đường trần quốc nghiễn đến sân bóng(gà mạch hoạch)	Km	0,1				364	36,4	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ ngõ 2 phố Hải Thủy đến sân bóng(gà mạch hoạch)	Km	0,3				364	109,2	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ nhà hàng gà mạch hoạch đến nương thoát nước phố hải lộc	Km	0,082				364	29,848	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ số nhà 08 (phố hải lộc) đến ngã ba nút giao với phố hải phượng	Km	0,172				364	62,608	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ cà phê sóc 88 đến nút giao với đường trần quốc nghiễn	Km	0,175				364	63,7	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ ngã 3 phố Hải Thăng đến nút giao phố hải hà	Km	0,182				364	66,248	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ siêu thị nội thất hoàn mỹ đến nhà số 17 phố Hải Thăng	Km	0,132				364	48,048	

Nội dung thực hiện		ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
ĐCNX	Đoạn tuyến từ nút giao phố hải phượng đến ngã 3 nút giao phố hải trường	Km	0,047				364	17,108	
ĐCNX	Đoạn tuyến ngách chợ Hạ Long 3	Km	0,112				364	40,768	
ĐCNX	Đoạn tuyến từ nút giao phố hải phượng (nhà Đ/c Thanh)đến ngã 3 nút giao phố hải hà	Km	0,306				364	111,384	
ĐCNX	Tuyến từ khu đô thị MKL đến mương thoát nước phố Hải Thịnh	Km	0,5				364	182	
ĐCNX	Tuyến đường Đông Hồ sau điện lực Hạ long	Km	0,064				364	23,296	
ĐCNX	Tuyến đường cống Phan Đăng Lưu(truyền hình tỉnh)	Km	0,2				364	72,8	
ĐCNX	Phố Hải Phúc: Trường THCS Hồng Hải - Đường Phan Đăng Lưu	Km	0,25				364	91	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
ĐCNX	Phố Hải Thịnh: UBND phường - Đường Phan Đăng Lưu		Km	0,06				364	21,84	
ĐCNX	Phố Hải Hà: Nhà Hàng nhất Chiêu - Đường Trần Quốc Nghiễn		Km	0,13				364	47,32	
ĐCNX	Tuyến cạnh Hồ Hòn Một (tiếp nối Mường Hải Thịnh ra đến đường Trần Quốc Nghiễn)		Km	0,14				364	50,96	
Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ trạm trung chuyển đến cơ sở xử lý bằng xe cuốn ép (với cung đường bình quân $20 < L \leq 25$ km)			Tấn	65				364	23.660	
Duy trì thủ công dải phân cách (2 ngày/lần)			Km	10,58	21,16			182	3.851,12	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường QL18	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng (Hết địa phận phường Hồng Hà cũ)	Km	5,6	11,2			182	2.038,40	
Tuyến đường phố Lê Thanh Nghị	Ngã 3 UBND tỉnh đến ngã 3 giao với đường bao biển Trần Quốc Nghiễn		Km	0,6	1,2			182	218,4	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đường bao biển Trần Quốc Nghiễn	Từ khu vực Cung quy hoạch tỉnh	Cột điện chiều sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	4,18	8,36			182	1.521,52	
Trước trường chuyên Hạ Long	Ngã 3 giao với đường Nguyễn Văn Cừ (đường dưới)	Ngã 3 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn	Km	0,2	0,4			182	72,8	
Quét vòng xuyên, chôn tiểu cảnh đảo giao thông trên các tuyến đường phố chính			Km	0,108				182	19,656	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Tuyến phố Hải Long	Vòng xuyên gần trường chuyên Hạ Long		Km	0,05				182	9,1	
Tuyến đường Lê Thanh Nghị	Vòng xuyên Lê Thanh Nghị		Km	0,058				182	10,556	
Tưới nước rửa đường bằng xe bồn dung tích > 10m3 (2 ngày/lần)			Km	12,32	24,64			182	4.484,48	
Vị trí	Điểm Đầu	Điểm Cuối								
Đường Trần Quốc Nghiễn	Ngã 3 Đường 30/10 nút giao với đường Trần Quốc Nghiễn (Giáp danh phường Hồng Gai)	Cột điện chiều sáng số 50T1 trên dải phân cách (Giáp danh phường Hà Tu)	Km	5,12	10,24			182	1863,68	

Nội dung thực hiện			ĐVT	Chiều dài	Chiều dài 2 bên	C. rộng	Diện tích	Số ngày thực hiện (ngày)	Tổng khối lượng thực hiện/năm	Ghi chú
Đường Điện Biên Phủ	Ngã 3 trường Lê Thánh Tông	Núi Hạm	Km	0,93	1,86			182	338,52	
Đường Nguyễn Văn Cừ	Ngã 5 Kênh Liêm	Cầu Trắng	Km	5,6	11,2			182	2038,4	
Tuyến đường phố Lê Thanh Nghị	Ngã 3 UBND tỉnh đến ngã 3 giao với đường bao biển Trần Quốc Nghiễn		Km	0,67	1,34			182	243,88	
Vận hành hệ thống bơm nước cung cấp nước rửa đường			100 m3	0,8624				182	156,957	

II. Mục tiêu công việc:

Thực hiện các nội dung theo Phạm vi công việc của gói thầu đồng bộ và hiệu quả nhằm đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị, đảm bảo sức khỏe người dân, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững, đảm bảo môi trường du lịch trên địa bàn phường Hạ Long.

III. Yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật của gói thầu:

1. Yêu cầu chung về kỹ thuật:

Các hạng mục công việc phải được thực hiện đầy đủ các thành phần công việc theo đúng quy trình kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan đảm bảo khối lượng, chất lượng.

1.1. Yêu cầu kỹ thuật về công tác bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt:

a. Yêu cầu chung

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn giao thông theo quy định;
- Có kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất, chất thải, cháy nổ và các sự cố khác theo quy định;

- Khuyến khích đầu tư, đổi mới các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin;

- Chấp hành đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác theo quy định.

b. Yêu cầu về bảo vệ môi trường trong thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công;

- Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom;

- Không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện. Che phủ kín đống với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển;

- Kịp thời khắc phục sự cố vệ sinh môi trường và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

- Trong quá trình vận chuyển không để rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, rò rỉ nước rỉ rác, phát tán mùi ra ngoài môi trường.

- Xả thải, đổ phế thải, dầu mỡ theo đúng vị trí quy định, tuyệt đối nghiêm cấm xả thải, dầu mỡ xuống kênh mương, rãnh, cống.

- Nhà thầu có trách nhiệm tự kiểm tra giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện thu gom, vận chuyển chất thải, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường thì chủ đầu tư có quyền tạm ngừng công việc và yêu cầu Nhà thầu thực hiện đúng biện pháp bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Nếu nhà thầu để xảy ra các hành vi làm tổn hại đến môi trường trong quá trình cung cấp dịch vụ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

- Nhà thầu phải đưa ra giải pháp cung cấp dịch vụ hợp lý, giải pháp phòng chống ảnh hưởng của công tác cung cấp dịch vụ đến các công trình hạ tầng xung quanh. Nhà thầu phải

hoàn toàn chịu trách nhiệm từ bồi thường về kinh tế... Có thể truy cứu trách nhiệm hình sự nếu công tác cung cấp dịch vụ gói thầu gây hư hại cho các công trình hạ tầng xung quanh.

1.2. Yêu cầu kỹ thuật các hạng mục Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, Vệ sinh công cộng:

Thực hiện các hạng mục theo Phạm vi cung cấp đúng quy trình kỹ thuật theo các nội dung quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các văn bản khác có liên quan.

Chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày phải được thu gom triệt để, đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh, không tồn đọng tại các điểm tập kết, không có ý kiến phản ánh tiêu cực từ người dân.

a. Yêu cầu phương tiện thu gom, vận chuyển:

*** Đối với phương tiện thu gom:**

- Phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết tạm phải chất lượng, thùng chứa phải kín khít, bảo đảm không rơi vãi chất thải, rò rỉ nước rác ra môi trường trong quá trình hoạt động.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra, thay thế hoặc sửa chữa các phương tiện thu gom không đảm bảo chất lượng.

*** Đối với phương tiện vận chuyển:**

- Tất cả các phương tiện chuyên dụng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải được lắp đặt thiết bị định vị trước thời điểm ký hợp đồng.

- Phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về giao thông vận tải. Xe chuyên dụng cuốn ép chất thải rắn sinh hoạt phải có thiết bị lưu chứa nước rỉ rác.

- Thường xuyên phải vệ sinh, phun xịt khử mùi trước khi ra khỏi khu vực điểm tập kết tạm, cơ sở xử lý và sau khi hoàn thành thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

- Trong quá trình vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm không rơi vãi, rò rỉ nước rỉ rác, phát tán mùi trong quá trình vận chuyển.

- Phương tiện vận chuyển chất thải công kênh phải được che phủ bạt kín, chằng buộc chặt chẽ (nếu cần), tránh trường hợp chất thải công kênh rơi vãi trong quá trình vận chuyển. Thùng xe không bị hư hỏng, rách vỡ và không ngấm, rò rỉ nước rác, phát tán chất thải, mùi ra môi trường.

- Khuyến khích việc áp dụng các mô hình, công nghệ, giải pháp kỹ thuật tiên tiến, thân thiện môi trường và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

1.3. Yêu cầu đối với các điểm tập kết tạm chất thải rắn sinh hoạt: Phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định sau:

- Điểm tập kết tạm được bố trí bảo đảm kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom, vận chuyển và xử lý; bán kính phục vụ thu gom tại hộ gia đình, tổ chức, cá nhân và khoảng cách an toàn môi trường; bảo đảm an toàn giao thông; hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm.

- Điểm tập kết tạm phải bố trí thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường;

- Thường xuyên thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động; không để nước rỉ rác tồn đọng qua ngày gây mất vệ sinh môi trường; điểm tập kết tạm hoạt động trong

thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau phải có đèn chiếu sáng;

- Phải có cảnh báo đảm bảo an toàn theo quy định giao thông đối với các điểm tập kết tạm trong quá trình chuyển rác lên xe ép rác.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra, nâng cấp, cải tạo các điểm tập kết rác tạm bằng kinh phí của nhà thầu để đảm bảo mỹ quan đô thị và vệ sinh môi trường.

1.5. Yêu cầu kỹ thuật về công tác vận chuyển:

Phải đảm bảo tuân thủ các quy định nhà nước về giao thông đường bộ.

Phải đảm bảo tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và chất lượng vệ sinh theo quy định trong quá trình vận chuyển.

Phải đảm bảo vận chuyển hết khối lượng rác thải được thu gom về các khu xử lý trong ngày, không để rác lưu trữ qua ngày.

Phải đảm bảo tuân thủ công tác vận chuyển riêng biệt các loại chất thải đã được hộ gia đình, chủ nguồn thải phân loại tại nguồn khi cơ quan có thẩm quyền ban hành chủ trương thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.

Phải đảm bảo thời gian hoạt động vận chuyển trên nguyên tắc hạn chế tối đa việc lưu thông vào giờ cao điểm.

Không được phép vận chuyển chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp; trường hợp phương tiện vận chuyển tiếp nhận chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp hoặc chất thải rắn sinh hoạt (viết tắt là CTRSH) có lẫn chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thì phải báo cáo kịp thời cho Chủ đầu tư.

Phương tiện vận chuyển phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và vệ sinh môi trường trong quá trình vận chuyển (kín, không rò rỉ nước rỉ rác, miệng nắp đậy phải được phun xịt khử mùi sau khi tiếp nhận). Phương tiện vận chuyển CTRSH trước khi ra khỏi cơ sở xử lý CTRSH phải được vệ sinh sạch sẽ.

Phương tiện vận chuyển CTRSH phải được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình được kết nối mạng thông tin trực tuyến để xác định vị trí và ghi lại hành trình vận chuyển. Dữ liệu, thông tin từ thiết bị giám sát hành trình phải được truyền về trung tâm quản lý giám sát phương tiện vận chuyển CTRSH của đơn vị và phải cung cấp khi chủ đầu tư yêu cầu.

Sử dụng phương tiện vận chuyển CTRSH áp dụng thống nhất trên địa bàn và phục vụ chương trình phân loại CTRSH tại nguồn tuân thủ quy cách kỹ thuật, thời gian áp dụng do chủ đầu tư quy định.

Xây dựng hệ thống phương tiện vận chuyển phải đảm bảo số lượng, đáp ứng yêu cầu về tải trọng và kỹ thuật để phục vụ cho công tác vận chuyển hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng, không để ứ đọng CTRSH trên địa bàn và không tập trung quá nhiều xe vận chuyển tại một điểm khi đang thực hiện theo lộ trình vận chuyển.

1.6. Yêu cầu kỹ thuật về an toàn lao động:

- Nhà thầu có trách nhiệm trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động, an toàn lao động cho người lao động, cụ thể: giày bảo hộ lao động, mũ bảo hộ, quần áo bảo hộ lao động, đeo găng tay, mắt kính chống vật bắn, khẩu trang ngăn ngừa mùi khí độc hại và một số trang bị chuyên dụng tùy vị trí và công việc.

- Nhà thầu phải thường xuyên kiểm tra giám sát công tác an toàn lao động tại các vị trí thực hiện dịch vụ. Khi phát hiện có vi phạm về an toàn lao động thì phải ngừng ngay công việc để khắc phục đảm bảo an toàn.

- Nhà thầu phải có bản cam kết thực hiện các yêu cầu nêu trên; Cam kết tự chịu trách nhiệm an toàn lao động cho công nhân của mình, cho thiết bị và những người xung quanh; Chịu mọi trách nhiệm pháp lý nếu để xảy ra các sự cố chủ quan gây mất an toàn lao động do không thực hiện đúng quy trình, quy phạm. Cam kết của nhà thầu là căn cứ đánh giá mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện của nhà thầu.

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm toàn diện về an toàn của tất cả các hoạt động tại khu vực thi công trong suốt quá trình từ khi nhà thầu nhận mặt bằng thi công đến khi kết thúc hợp đồng, bao gồm:

- An toàn đối với con người (công nhân, cán bộ thi công của nhà thầu, và tất cả những người khác có mặt tại khu vực thi công và các khu vực khác có liên quan).

- An toàn phòng chống cháy nổ trong khu vực thi công và các khu vực khác có liên quan.

- Bảo đảm trật tự, an ninh.

- Tổ chức học tập và cho tập huấn cho công nhân về an toàn lao động nêu rõ chương trình cụ thể về thời lượng sẽ được áp dụng cho công tác này.

- Bộ máy quản lý an toàn lao động trên công trường: thuyết minh đầy đủ về chức năng, quyền hạn và nghĩa vụ của một số đầu mối chủ chốt trong hệ thống an toàn lao động sẽ được áp dụng trên công trường.

- An toàn trong mùa mưa bão: Xác định khả năng và các nguy cơ ảnh hưởng của mưa bão đến quá trình thực hiện. Tổ chức bộ máy phòng chống lụt bão tại công trình (có sơ đồ tổ chức bộ máy). Nêu rõ tên người phụ trách, quyền hạn và chức năng nhiệm vụ các bộ phận chủ chốt trong công tác phòng chống lụt bão. Công tác chuẩn bị cho việc phòng chống mưa bão. Giải pháp thi công trong mùa mưa. Giải pháp chống bão và khắc phục sự cố do mưa bão gây ra.

1.7. Yêu cầu kỹ thuật về phòng, chống cháy, nổ:

- Nêu rõ các tiêu chuẩn về phòng chống cháy nổ sẽ được tuân thủ.

- Xác định các nguy cơ cháy nổ có thể xảy ra trong thi công và nguyên nhân.

- Các giải pháp phòng ngừa nguy cơ cháy nổ.

- Các giải pháp chữa cháy và khắc phục sự cố.

1.8. Yêu cầu về tổ chức kỹ thuật thi công, giám sát:

- Nhà thầu phải có cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với quy mô tính chất gói thầu, trong đó phân định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, thành viên liên danh (nếu có) để triển khai gói thầu.

- Lập kế hoạch, tiến độ và biện pháp thực hiện công việc và báo cáo chủ đầu tư để chủ đầu tư giám sát, theo dõi

- Báo cáo chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng, khối lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo yêu cầu của chủ đầu tư bằng hình thức nhật ký công việc.

- Trong các cuộc họp triển khai công việc do chủ đầu tư tổ chức, nhà thầu phải bố trí cán bộ quản lý chung, người đại diện pháp luật hoặc người được người đại diện pháp luật ủy quyền tham dự.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư và pháp luật về chất lượng công việc thực hiện; bồi thường thiệt hại khi vi phạm hợp đồng, sử dụng vật liệu gây ảnh hưởng đến môi trường và các hành vi khác gây thiệt hại khác.

- Nhà thầu phải thực hiện tự giám sát, kiểm tra công việc thực hiện để đảm bảo chất lượng.

- Nhà thầu phải có kế hoạch và biện pháp đảm bảo chất lượng thực hiện, phải có bộ phận chuyên trách công tác quản lý chất lượng của mình (KCS), có trình độ chuyên môn, bảo đảm hoạt động hiệu quả.

- KCS của Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ, thường xuyên và trung thực chất lượng sản phẩm của Nhà thầu theo đúng quy trình kỹ thuật và nghiệm thu hiện hành.

- Nhà thầu phải tuân thủ sự quản lý, giám sát chất lượng thi công của đại diện Chủ đầu tư, giám sát A.

- Việc quản lý chất lượng, giám sát thực hiện của giám sát A không làm giảm trách nhiệm của Nhà thầu đối với các sai sót của mình về các vấn đề sai so trong quá trình thực hiện.

- Kết quả kiểm tra được giám sát A ghi vào nhật ký công trình. Nếu có sai phạm sẽ lập biên bản, có biện pháp xử lý với người phụ trách điều hành của Nhà thầu. Giám sát A có quyền yêu cầu Nhà thầu đưa ra khỏi công trình những công nhân có sai phạm lớn về kỹ thuật, chất lượng thi công.

2. Các quy trình áp dụng cho việc thực hiện & nghiệm thu

Quy định về kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm:

- Nhà thầu được đánh giá là “đạt” khi đáp ứng được các yêu cầu Thực hiện các thành phần công việc theo Thông tư số 36/2024/TT-BTNMT ngày 20/12/2024 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và Quyết định số 80/2025/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Ninh Ban hành Quy định Định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Yêu cầu:

+ Các xe gom rác đẩy tay, xe ép rác, vận chuyển rác không để nước rác rỉ ra môi trường, trong quá trình vận chuyển rác thực hiện tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ, trường hợp trong quá trình nghiệm thu, cân xe phát hiện xe chở quá tải trọng bên A sẽ không nghiệm thu, thanh toán đối với phần khối lượng rác vượt quá so với tải trọng cho phép theo đăng kiểm của xe, theo quy định của Pháp luật.

+ Đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo các quy định tại Thông tư 35/2024/TT-BTNMT ngày 18/12/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Tất cả các phương tiện phải đáp ứng yêu cầu về đăng ký, đăng kiểm, kiểm định theo quy định của pháp luật hiện hành; Các xe ép rác, vận chuyển rác phải được lắp đặt camera hành trình kết nối 4G trở lên; Các phương tiện đã đề xuất cho gói thầu này chỉ được bố trí phục vụ cho gói thầu này (nếu trúng thầu), nếu muốn sử dụng vào mục đích khác phải được sự đồng ý của Chủ đầu tư. Hàng tháng, chiết xuất lịch trình xe để phục vụ công tác nghiệm thu và lưu trữ.

+ Công nhân vận hành, điều khiển phương tiện, thiết bị xe máy phải đảm bảo về bằng cấp, chứng chỉ theo quy định.

+ Nhà máy xử lý rác bằng phương pháp đốt phải đảm bảo đầy đủ điều kiện về kỹ thuật, thủ tục pháp lý để hoạt động bình thường, đáp ứng công việc yêu cầu của E-HSMT.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân và khi làm việc công nhân phải có đủ trang bị bảo hộ lao động theo quy định.

IV. Công tác quản lý, giám sát:

1. Trách nhiệm của nhà thầu:

- Nhà thầu phải chịu sự giám sát của đại diện Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, giám sát trong toàn bộ quá trình thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu có trách nhiệm cung ứng tất cả lao động, cán bộ giám sát, vật tư, thiết bị máy móc, xe máy và các vật tư, thiết bị khác cần thiết cho việc thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải tổ chức hệ thống kiểm tra chất lượng và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chất lượng thực hiện các công việc của gói thầu.

- Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy trình, quy định của Nhà nước, của đại diện Chủ đầu tư và Hồ sơ mời thầu đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo thực hiện đúng nhiệm vụ theo các quy trình định mức.

- Nhà thầu phải có biện pháp: Bảo đảm an toàn giao thông; an toàn lao động; đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành máy, thu quét dọn, tưới nước, thu gom, vận chuyển; bảo đảm an toàn phòng chống cháy, nổ; ứng phó với các sự cố bất khả kháng (thiên tai lũ lụt, bão gió, công việc phát sinh đột xuất ...v.v) làm ảnh hưởng đến việc thực hiện gói thầu.

2. Trách nhiệm của Đại diện chủ đầu tư:

- Bàn giao mặt bằng đúng thời gian quy định để Nhà thầu thực hiện các công việc của gói thầu.

- Bố trí đầy đủ, thường xuyên lực lượng giám sát viên có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm để làm tốt nhiệm vụ giám sát của đại diện Chủ đầu tư, hợp tác với Nhà thầu hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Kịp thời giải quyết các khó khăn trở ngại, phát sinh trong quá trình thi công để không làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công Nhà thầu.

V. Các yêu cầu khác

Kiểm tra, thanh tra của Chủ đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước:

Chủ đầu tư, đơn vị quản lý, giám sát hoặc tổ chức giám định, cơ quan quản lý Nhà nước được quyền đi thanh tra, kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tại hiện trường, tại các nơi sản xuất chế tạo hoặc tại kho bãi của Nhà thầu.

Nhà thầu phải cộng tác và cung cấp hồ sơ, nhân lực, thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc kiểm tra, thanh tra theo yêu cầu của các tổ chức nói trên.